TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 1025/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 930/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quốc D, sinh năm: 1976. (Có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường M, Phường B, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Mai Mỹ A, sinh năm: 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Khu phố D, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn ông Lê Quốc D thì: Ông và bà Mỹ A quen nhau khoảng 7 tháng thì tiến tới hôn nhân được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104 quyển I/2005 ngày 15/9/2005.

Sau khi kết hôn khoảng một tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cách cư xử với gia đình bên chồng của bà Mỹ A và về vấn đề tài chính gia đình, mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng nên năm 2012 ông D đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 11 nhưng do thương con nên vợ chồng đã hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên bà Mỹ A vẫn không thay đổi cách cư xử khiến mâu thuẫn vợ chồng ngay càng trầm trọng hơn. Từ năm 2010 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay do tình cảm với bà Mỹ A không còn nên ông D yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Ông Lê Quốc D và bà Mai Mỹ A có 01 người con chung là Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 08/11/2009, hiện đang sống chung với bà Mỹ A. Ông D đồng ý để bà Mỹ A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đồng thời ngày 15/8/2018 ông Lê Quốc D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Bị đơn bà Mai Mỹ A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập. Tuy nhiên bà Mỹ A vẫn vắng mặt không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Thủ Đức có tiến hành các thủ tục xác minh thu thập chứng cứ, vì vậy đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa là đúng theo qui định của pháp luật. Bị đơn bà Mai Mỹ A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng qui định của pháp luật. Ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Yêu cầu của ông Lê Quốc D là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông D ly hôn với bà Mai Mỹ A; Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D, giao con chung Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 08/11/2009 cho bà Mai Mỹ A trực tiếp nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quốc D phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng các lời khai tiếp theo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Mai Mỹ A hiện đang cư trú tại quận Thủ Đức nên căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. Đơn khởi kiện, của ông D phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Lê Quốc D có đơn yêu cầu vắng mặt khi tòa án xét xử vụ án nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

Bà Mai Mỹ A, là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên Tòa, tuy nhiên bà Mỹ A vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Mỹ A.

[2] Về nội dung: ông Lê Quốc D và bà Mai Mỹ A kết hôn với nhau do tự nguyện, được xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre cấp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104 quyển I/2005 ngày 15/9/2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Mai Mỹ A, nhưng Tòa án không nhận được trả lời của bà, chứng tỏ bà không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông D.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông D, Hội đồng xét xử xét: Theo lời trình bày của ông D thì, sau khi kết hôn khoảng một tháng giữa ông và bà Mỹ A phát sinh mâu thuẫn do cách cư xử không đúng mực của bà Mỹ A đối với ông và gia đình ông và vấn đề tài chính gia đình. Năm 2012 ông D đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 11 nhưng do thương con còn nhỏ nên vợ chồng đã hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà Mỹ A vẫn không thay đổi cách cư xử khiến mâu thuẫn vợ chồng ngay càng trầm trọng hơn.

Xét, vợ chồng là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dạy con chung. Từ năm 2010 đến nay ông D và bà Mỹ A đã không còn sống chung với nhau và không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, như vậy ông D và bà Mỹ A đã vi phạm quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, ông D có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Về con chung: Căn cứ theo giấy khai sinh số 188/2009 quyển 02 ngày 08 tháng 12 năm 2009 do Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên có cơ sở xác định trẻ Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 08/11/2009 là con chung của ông Lê Quốc D và bà Mai Mỹ A. Ông D yêu cầu để bà Mỹ A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc M, ông D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét, hiện nay bà Mỹ A đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Lê Ngọc M, để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ, nên giao trẻ Lê Ngọc M cho bà Mai Mỹ A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Mỹ A không có yêu cầu về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Nợ chung: Ông D khai không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí. Ngoài ra ông D còn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84,107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Quốc D:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quốc D, sinh năm 1976 ly hôn với bà Mai Mỹ A, sinh năm 1980.

Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 08/11/2009 cho bà Mai Mỹ A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Lê Quốc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 9/2018 cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Trường hợp bà Mai Mỹ A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Quốc D không thi hành án cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đồng ông Lê Quốc D phải nộp, được cấn trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu số 0037083 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q. Thủ Đức;
- CCTHADS Q. Thủ Đức;
- UBND xã Đa Phước Hội, H. Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh